

BỘ TÀI CHÍNH  
Số: 79 TC/TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 1 tháng 10 năm 1994

## THÔNG TƯ

### Hướng dẫn chế độ chứng từ đối với hàng hoá lưu thông trên thị trường

Căn cứ các Luật thuế, Pháp luật thuế hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 60 TTg ngày 8/2/1994 của Thủ tướng Chính phủ về một số chủ trương và biện pháp điều hành phát triển kinh tế xã hội năm 1994;

Để quản lý hàng hoá lưu thông trên thị trường, thúc đẩy thực hiện chế độ lập hoá đơn chứng từ khi mua bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ thu tiền.

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ chứng từ đối với hàng hoá lưu thông trên thị trường như sau :

#### I/ NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1/ Hàng hoá sản xuất trong nước, hàng hoá nhập khẩu của các tổ chức và cá nhân lưu thông trên thị trường đều phải có chứng từ hợp lệ kèm theo chứng minh nguồn gốc lô hàng là hợp pháp.

2/ Các loại hoá đơn, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, biên lai thu thuế, biên lai thu tiền nêu trong Thông tư này phải là bản chính, do Bộ Tài chính thống nhất phát hành.

#### III/ ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

##### A. ĐỐI VỚI HÀNG CÔNG NGHIỆP

Tổ chức và cá nhân kinh doanh vận chuyển hàng công nghiệp sản xuất trong nước phải có các chứng từ sau :

1/ Hàng hoá xuất bán cho bên mua hoặc bên mua hàng hoá về để bán, mua nguyên vật liệu về để sản xuất nhất thiết phải có hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn kiêm phiếu xuất kho của bên bán.

2/ Nếu mang hàng hoá, nguyên vật liệu đi bán, ở nơi khác (ngoài tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương) mà chưa rõ địa chỉ người mua phải có lệnh xuất kho, phiếu xuất kho của đơn vị kèm theo. Đến nơi bán hàng phải trình báo với cơ quan thuế sở tại (nơi bán), khi bán hàng phải xuất hoá đơn giao cho người mua và kê khai nộp thuế doanh thu tại nơi bán.

3/ Nếu vận chuyển hàng hoá từ cơ sở chính đến các chi nhánh, cửa hàng, cửa hiệu ngoài phạm vi quận, huyện phải có lệnh điều động kèm theo phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của đơn vị.

4/ Nếu mang hàng hoá, nguyên vật liệu để trao đổi với cơ sở khác phải có hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn kiêm phiếu xuất kho kèm theo.

5/ Nếu xuất hàng hoá để ký gửi bán hoặc giao cho các đại lý phải có lệnh xuất kho kèm theo phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của đơn vị. Riêng đối với cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải có hoá đơn kiêm phiếu xuất kho.

6/ Nếu vận chuyển hàng từ kho này đến kho khác, từ chi nhánh này đến chi nhánh khác phải có lệnh điều động nội bộ, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

7/ Riêng các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh kinh doanh cố định khi mua hàng để bán, mua nguyên vật liệu về sản xuất phải có sổ mua hàng theo mẫu kèm theo, có xác nhận của cơ quan thuế trực tiếp quản lý cơ sở, hoá đơn của người bán giao cho. Hàng hoá vận chuyển ghi trên hoá đơn và ghi sổ phải khớp nhau và khớp với hàng hoá thực tế vận chuyển.

8/ Cơ sở kinh doanh buôn chuyển khi mua hàng và vận chuyển hàng phải có hoá đơn bán hàng của người bán và biên lai nộp thuế doanh thu, thuế lợi tức thu trên khâu lưu thông trước khi vận chuyển hàng đi.

## **B. ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NÔNG SẢN, LÂM SẢN, HẢI SẢN**

Hàng hoá nông sản, hải sản, lâm sản quy định trong mục này là những sản phẩm nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp do người nông dân, ngư dân, diêm dân trực

tiếp sản xuất, khai thác chưa qua chế biến hoặc chỉ sơ chế như phơi, sấy, phân loại để bảo quản . . .

Sản phẩm nông nghiệp, hải sản, lâm nghiệp đã qua chế biến công nghiệp khi lưu thông trên thị trường áp dụng chứng từ như đối với hàng công nghiệp quy định tại điểm A Thông tư này.

1/ Các đơn vị kinh tế quốc doanh đi mua nông sản, hải sản, lâm sản về để bán, sản xuất phải có các chứng từ kèm theo, cụ thể như sau :

- Nếu mua của các xí nghiệp quốc doanh, các đơn vị kinh tế tập thể, các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hộ cá thể . . . phải có hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn kiêm phiếu xuất kho của bên bán.

- Nếu mua trực tiếp của nông dân, ngư dân (người sản xuất ra sản phẩm) thì phải lập bảng kê (theo mẫu số 1 kèm theo), ghi rõ ngày mua hàng, họ tên, địa chỉ người bán hàng, số lượng, giá trị từng loại hàng . . . Khi vận chuyển ra khỏi nơi thu mua (huyện) phải đến cơ quan thuế xác nhận hàng hoá vận chuyển vào bảng kê.

- Nếu có đặt trạm thu mua, thì trạm thu mua khi mua gom của nông dân, ngư dân (người trực tiếp sản xuất) cũng phải lập bảng kê như nêu trên. Khi vận chuyển hàng hoá ra khỏi địa phương thu mua, phải có lệnh xuất kho của đơn vị và phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của trạm thu mua kèm theo.

- Nếu ký hợp đồng mua hàng với tổ chức và cá nhân kinh doanh, thì phải có hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn kiêm phiếu xuất kho của cơ sở giao cho.

2/ Các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh đi mua nông sản, lâm sản, hải sản về bán hoặc để chế biến, khi vận chuyển phải có các chứng từ như quy định đối với XNQG nêu trên (điểm 1) ngoài ra còn phải có sổ mua hàng đã xác nhận của cơ quan thuế, ghi rõ mặt hàng, số lượng, trị giá mua, nơi đi, nơi đến . . .

3/ Cơ sở kinh doanh buôn chuyển đi mua hàng nông sản, hải sản, lâm sản khi vận chuyển phải có hoá đơn, chứng từ như quy định đối với XNQG nêu trên (điểm 1) và biên lai nộp thuế doanh thu, lợi tức khâu lưu thông.

### **III/ ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU**

#### **A. ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU TIÊU NGẠCH**

Tại điểm 2, mục II Chỉ thị số 94 CT ngày 25/3/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về tổ chức và quản lý thị trường vùng biên giới Việt Trung trong tình hình mới quy định :

" Trong trao đổi, mua bán hàng hoá của cư dân hai bên biên giới thì hình thức chủ yếu là trao đổi hàng hoá qua biên giới với quy mô nhỏ, tính chất, mức độ đơn giản được gọi là xuất nhập khẩu tiểu ngạch và cũng phải đặt dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước về quy chế xuất nhập khẩu.

Tham gia xuất nhập khẩu tiểu ngạch biên giới chỉ là những người kinh doanh nhỏ có vốn thấp hơn vốn pháp định quy định trong Nghị định số 211 HĐBT ngày 23/7/1991 của Hội đồng Bộ trưởng và những người này phải là cư dân thường trú tại khu vực biên giới".

Điều 1 quyết định số 115 HĐBT ngày 9/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tiểu ngạch biên giới quy định :

" 1- Hàng hoá được phép xuất nhập khẩu tiểu ngạch biên giới theo đúng quy định khi xuất nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới đều là đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tiểu ngạch theo quy định tại Quyết định này.

2- Tất cả các đối tượng có hàng hoá xuất, nhập khẩu tiểu ngạch như tại điểm 1 Điều này đều là đối tượng nộp thuế theo quy định tại Quyết định này".

Theo các quy định trên đây thì chỉ có cư dân khu vực biên giới mới được phép nhập khẩu tiểu ngạch và khi nhập khẩu tiểu ngạch phải kê khai nộp thuế nhập khẩu tiểu ngạch với cơ quan Hải quan cửa khẩu.

Theo Điều 1, Điều 10 Luật thuế doanh thu; Điều 1, Điều 13 Luật thuế lợi tức, người kinh doanh xuất nhập khẩu tiểu ngạch thuộc đối tượng nộp thuế doanh thu, thuế lợi tức, phải đăng ký nộp thuế, chấp hành chế độ kế toán, chế độ lập hoá đơn, chứng từ khi mua bán hàng hoá.

Căn cứ các quy định trên, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ chứng từ đối với hàng hoá nhập khẩu tiểu ngạch biên giới như sau :

1/ Đối với hàng nhập khẩu tiểu ngạch qua biên giới cho người được phép trực tiếp nhập khẩu tiểu ngạch vận chuyển vào nội địa phải có các chứng từ sau :